TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HS-ST
Ngày: 09 - 01 – 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Trường, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lý Chí Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số: 108/2022/TLST-HS, ngày 29 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn C (Mìn); Giới tính: Nam; Sinh năm: 1999, tại thành phố K, tỉnh An Giang; Nơi cư trú : Tổ 15, khóm M, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc : Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Trình độ học vấn : Không biết chữ; Nghề nghiệp : Không; Họ tên cha: Lê Văn Hiệp (đã chết); Họ tên mẹ: Kim Hạnh, sinh năm 1968; A chị em ruột : Có 03 người, bị can là người thứ hai.

- Tiền sự: Không.

- Tiền án: Ngày 18/02/2022, Tòa án nhân dân thành phố K kết án 01 năm tù, về tội *"Trộm cắp tài sản"*, đến ngày 22/10/2022, chấp hành xong, chưa xóa án tích.

Quá trình nhân thân: Ngày 27/6/2018, Tòa án nhân dân thành phố K áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng, đến ngày 30/6/2019, chấp hành xong. Ngày 18/02/2020, Tòa án nhân dân thành phố K áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng, đến ngày 02/6/2021, chấp hành xong (đã được xem xét áp dụng trong lần kết án trước).

- Bị can bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2022 đến nay, tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Châu Đốc. Có mặt.

Bị hại:

- Bị hại: Cao Thị Ngọc H, sinh năm 1981, nơi cư trú: Số 146, đường Nguyễn Tri Phương, tổ 02, khóm Q, phường C, thành phố K, tỉnh An Giang.

- Người làm chứng: Lưu Kỳ A, sinh năm 1983, nơi cư trú: khóm Sơn Đông, thị trấn N, huyện TB, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 08/12/2022, cần tiền tiêu xài, sử dụng ma túy, Lê Văn C đi bộ tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực tổ 02, khóm Q, phường C, thành phố K, C thấy xe mô tô biển số 67F5 - 9480 của Cao Thị Ngọc H đậu trong nhà, gắn sẵn chìa khóa, không người trông giữ, C lén dẫn xe ra đường, chuẩn bị nổ máy chạy đi, bị H và mọi người phát hiện, bắt giữ, giao Cơ quan Công an lập biên bản phạm tội quả tang.

***Vật chứng thu giữ*:** 01 xe mô tô hiệu Dream, màu nâu, biển số 67F5 - 9480 (đã giao trả cho bị hại Cao Thị Ngọc H).

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 887/KL-ĐG ngày 09/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K, ghi nhận: 01 xe mô tô hiệu Dream, màu nâu, biển số 67F5 - 9480, **trị giá 10.000.000 đồng.**

Cơ quan C sát điều tra - Công an thành phố K khởi tố, tạm giam Lê Văn C.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/QĐ-VKSCĐ-HS ngày 28/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị cáo Lê Văn C về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, những người làm chứng, liên quan; phù hợp các tài liệu chứng cứ hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa. Từ đó, xác định Lê Văn C đã có hành vi trộm cắp xe mô tô của Ngọc H, trị giá 10.000.000 đồng. Do vậy, Quyết định số 01/QĐ-VKSCĐ-HS ngày 28/12/2022 của VKSND thành phố K truy tố bị cáo C theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo biết rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ; bị cáo có nhân thân xấu, Ngày 27/6/2018, Tòa án nhân dân thành phố K áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng, đến ngày 30/6/2019, chấp hành xong. Ngày 18/02/2020, Tòa án nhân dân thành phố K áp dụng biện pháp xử lý hành

chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng, đến ngày 02/6/2021, chấp hành xong (đã được xem xét áp dụng trong lần kết án trước).

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *"Người phạm tội thành khẩn khai báo"*, quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xem giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là tương xứng, thỏa đáng và phù hợp.

Đề nghị xử lý:

a) Về trách nhiệm hình sự

- *Hình phạt chính, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:* Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo C từ

- *Hình phạt bổ sung:* Không.

b) Biện pháp tư pháp: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[3] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo C thừa nhận hành vi phạm tội.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường do Cơ quan điều tra Công an thành phố K lập; phù hợp

với lời khai của các bị hại, người làm chứng. Ngoài ra, còn phù hợp với vật chứng vụ án đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Từ đó có căn cứ xác định, bị cáo C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Ngọc H trị giá 10.000.000 đồng. Bị cáo C là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, xâm phạm sở hữu của người khác; do đó đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Cho nên, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo là người đang ở tuổi lao động. Đáng lẽ, bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì hám lợi, bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, nên thuộc trường hợp "Tái phạm", quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thuộc thành phần lao động, trong quá trình điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

Xử phạt: Lê Văn C 1 năm 6 tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày….

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Huỳnh Ngọc Hận phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA